

Số: **3087**/QĐ-NĐĐT

Quảng Ninh, ngày **28** tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói cung cấp: Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến
tại Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV;

Văn bản số 914/ĐLTKV-KH ngày 08/6/2026 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty điện lực - TKV - CTCP (ĐLTKV);

Căn cứ Tờ trình ngày 23/9/2026 của Tổ chuyên gia và Báo cáo thẩm định ngày 24/9/2026 của Tổ thẩm định;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch Đầu tư - Vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến tại Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV với các nội dung chủ yếu sau:

- Tổng giá trị dự toán (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là: **736.784.640 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng). Chi tiết theo như Phụ lục 1 đính kèm.

- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến tại Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV. Chi tiết theo như Phụ 2 đính kèm.

Điều 2. Giao phòng Kế hoạch đầu tư - Vật tư chủ trì, phối hợp các bộ phận liên quan triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng liên quan trong Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TCHC, KHĐTVT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Tuấn

PHỤ LỤC 1: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

**Gói cung cấp: Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến
tại Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV**

*(Đính kèm Quyết định số **3087** /QĐ-NĐĐT ngày **28** /9/2026)*

STT	Nội dung	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Giá trị phần hàng hóa	704.384.640	Chi tiết theo Phụ lục 1.1 đính kèm
2	Giá trị phần dịch vụ	32.400.000	Chi tiết theo Phụ lục 1.2 đính kèm
Tổng cộng (đã bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí nếu có)		736.784.640	
Bảng chữ: Bảy trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng			

29
CÔ
HII
BT
ON
N
/C
II

PHỤ LỤC 1.1: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN PHẦN HÀNG HÓA

**Gói cung cấp: Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến
tại Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV**

(Đính kèm Quyết định số **3087** /QĐ-NĐĐT ngày **28** /9/2026)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặt tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền
1	Bộ quản lý micro hội thảo	Mã hiệu GMC-60 (L); Năng lực quản lý: 60 micro hội thảo; Đầu ra âm thanh: XLR và Ø6.3mm; Nguồn cấp: 15V DC/4.3A của hãng CHIAYO	Bộ	1	19.950.000	19.950.000
2	Micro chủ tọa	Mã hiệu GM-243C (TL); Loại micro: Uni-directional condenser; Tần số đáp ứng: 80Hz - 16KHz; T.H.D.: < 0.5%; Tỷ lệ S/N: ≥ 60dB; Nút ưu tiên cho phép tắt tiếng của các micro đại biểu của hãng CHIAYO	Chiếc	1	8.550.000	8.550.000
3	Micro đại biểu	Mã hiệu GM-243S (TL), Loại micro: Uni-directional condenser; Tần số đáp ứng: 80Hz - 16KHz- T.H.D.: < 0.5%; Tỷ lệ S/N: ≥ 60dB của hãng CHIAYO	Chiếc	26	7.390.000	192.140.000
4	Thiết bị chống phản hồi âm cho micro hội thảo	Mã hiệu HAI-1210; Điện áp đầu vào 220V/50Hz; Công suất tiêu thụ điện: 7W; Tốc độ lấy mẫu 100Hz- 15KHz; Lắp đặt: Để bàn hoặc gắn tủ rack 19" của hãng HaiAudio	Cái	1	13.500.000	13.500.000
5	Loa treo tường	Mã hiệu ASX-312BT; Công suất ≥ 30W của hãng AHUJA RADIOS	chiếc	6	3.870.000	23.220.000
6	Bộ trộn âm thanh kèm âm ly	Mã hiệu TZA-4000DPM; 6 đường tiếng; công suất ≥ 400w của hãng AHUJA RADIOS	Chiếc	1	27.090.000	27.090.000
7	Thiết bị trộn âm thanh	Mã hiệu MG12XU E YEM; Loại 12 kênh của hãng Yamaha	Cái	1	15.340.000	15.340.000
8	Bộ nguồn tự động	Mã hiệu PC-830; Loại 8 đầu cắm của hãng Bost Audio	Cái	1	11.360.000	11.360.000

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặt tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền
9	Camera hội thảo trực tuyến	Mã hiệu HAI-809RS; Cảm biến 1/1.8 inch, CMOS, - Số điểm ảnh hiệu dụng: 8.42MP; Chế độ quét: Liên tục - Ống kính: Zoom quang học 30X, f=7.1mm~210mm, F1.61~F5.19; Zoom kỹ thuật số: 16X - Chuẩn nén video: H.265/H.264/MJPEG - Điện áp đầu vào: DC 12V/ POE+ (802.3at) - Dòng điện đầu vào: 2A(Max) - Công suất tiêu thụ: DC12V/PoE+(802.3at): 18W (max) của hãng HaiAudio	Cái	1	29.580.000	29.580.000
10	Tivi kèm giá treo tường	Mã hiệu 55NU85CBPSA của hãng LG; Loại 55 inch kèm giá treo phù hợp TV 55 inch	cái	2	14.200.000	28.400.000
11	Bộ chia cổng HDMI	Mã hiệu Ugreen 40202; 1 ra 4 cổng; Hỗ trợ full HD; 4K*2K@30Hz của hãng Ugreen	Bộ	1	994.000	994.000
12	Bộ trình chiếu không dây	Mã hiệu AS201-S1; Độ phân giải đầu ra: lên đến 4K nếu chỉ có HDMI; lên đến 1080p nếu có đầu ra kép HDMI & VGA - Chia sẻ đồng thời 4 nội dung trên màn hình - Chức năng cộng tác không dây - Lên đến 20 kết nối đồng thời - Hệ điều hành tương thích Windows 10 trở lên - Đầu ra âm thanh: HDMI & Giắc cắm âm thanh 3.5mm - Băng tần Wi-Fi có thể chuyển đổi băng tần kép 2.4GHZ/5GHz (không hỗ trợ kênh DFS) của hãng ASTRO	Bộ	1	57.600.000	57.600.000
13	Modul led	P1,538 indoor; Tương đương thiết bị có mã hiệu LC1,538P của hãng Lampro	Tám	90	1.850.000	166.500.000

UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARY

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặt tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền
14	Card thu	Tải tối đa 512*512 pixel (256*1024 pixel); Tương đương thiết bị có mã hiệu R12 của hãng KYSTAR	cái	16	680.000	10.880.000
15	Nguồn chuyển đổi	Mã hiệu CZCL-LDK-200-5; Đầu vào 230VAC; Đầu ra 5V-40A của hãng CZCL	cái	20	480.000	9.600.000
16	Bộ xử lý led	Mã hiệu KLS4C; Đầu vào video HDMI x1, DVI x1, VGA x1, CVBS x1; Đầu ra video 2 cổng mạng Gigabit, DVI loop; Độ phân giải đầu ra tối đa 1920×1200@60Hz PIP; Có điều khiển phần mềm trên máy tính, nút cứng trực tiếp; Lưu cấu hình; Hỗ trợ lưu và gọi nhanh nhiều cấu hình; Nguồn điện: AC 100–240V, 50/60Hz của hãng KYSTAR	cái	1	10.400.000	10.400.000
17	Cáp micro chuyên dụng dành cho Micro	Mã hiệu MY 206 của hãng Haiaudio; Phần lõi: Đồng sợi, 28 x 0,10mm - Tiết diện lõi: 0,22mm ² - Cấu trúc lõi: 2 sợi lõi + lớp cotton, xoắn - Vỏ chống nhiễu: Sợi đồng xếp xoắn ốc - Vỏ ngoài: PVC	Mét	50	80.000	4.000.000
18	Cáp loa	Mã hiệu Ly215s của hãng Haiaudio; 2 x 1,5mm ²	Mét	150	50.000	7.500.000
19	Tủ âm thanh	16U Mixer	Chiếc	1	7.850.000	7.850.000
20	Ổ cắm	loại 6 chấu, dài 5m của hãng Lioa	bộ	2	220.000	440.000
21	Dây điện	Dây điện 2x2,5mm ²	mét	50	25.000	1.250.000
22	Dây mạng Lan	Cat 6	mét	100	15.000	1.500.000
23	Dây HDMI	Loại 20m	sợi	2	1.540.000	3.080.000
24	Dây HDMI	Loại 5m	sợi	1	284.000	284.000
25	Nẹp bán nguyệt	Nẹp bán nguyệt	mét	20	60.000	1.200.000
	Tổng cộng					652.208.000
	Thuê GTGT 8%					52.176.640
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế GTGT, phí và lệ phí)					704.384.640

PHỤ LỤC 1.2: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN PHẦN DỊCH VỤ

Gói cung cấp: Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến tại Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV

*(Đính kèm Quyết định số **3087** /QĐ-NĐĐT ngày **28**/9/2026)*

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối hoàn thiện hệ thống âm thanh phòng họp	Lắp đặt thiết bị, cài đặt, cấu hình hệ thống phòng họp trực tuyến	Gói	1	30.000.000	30.000.000	
	Tổng					30.000.000	
	Thuế GTGT 8%					2.400.000	
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế GTGT, phí và lệ phí)					32.400.000	

PHỤ LỤC 2: PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

Gói cung cấp: Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến tại Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV

*(Đính kèm Quyết định số **3087** /QĐ-NĐĐT ngày **28** /9/2026)*

STT	Tên gói cung cấp	Giá gói cung cấp (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói cung cấp
1	Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến tại Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV	736.784.640	Chi phí SXKD năm 2026	Chào hàng cạnh tranh rút gọn theo quy định tại mục a khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024	/	60 ngày	Quý IV/2026	Theo đơn giá cố định	30 ngày
Tổng giá gói thầu		736.784.640							